

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN VINH TUẤN

**NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ VIỆC THỰC
HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. TRỊNH TIẾN VIỆT

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục chữ viết tắt	
Danh mục các bảng, biểu đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	9
1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	9
1.1.1. Khái niệm nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam	9
1.1.2. Ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam	17
1.2. NỘI DUNG VÀ CƠ CHẾ BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	20
1.2.1. Nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam	20
1.2.2. Cơ chế bảo đảm của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam	29
1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI MỘT SỐ NGUYÊN TẮC KHÁC TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	33
1.3.1. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân	34
1.3.2. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc mọi công dân bình đẳng trước pháp luật	35
1.3.3. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án	36
1.3.4. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật	37

Chương 2: SỰ THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK	39
2.1. SỰ THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	39
2.1.1. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án các cấp	40
2.1.2. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.....	45
2.1.3. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa	47
2.1.4. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về trình tự xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại phiên tòa	52
2.2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK	56
2.2.1. Vài nét về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh trật tự của địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	56
2.2.2. Tình hình thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	58
2.2.3. Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản.....	63
Chương 3: NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM.....	72
3.1. NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM	72
3.1.1. Bảo đảm tính pháp lý và tuân thủ đúng quy định về thẩm quyền, căn cứ, trình tự, thời hạn trong tất cả hành vi và văn bản tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.....	74

3.1.2. Bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.....	76
3.1.3. Phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, thực hiện tốt cơ chế thực hiện	78
3.2. HOÀN THIÊN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ NHẪM THỰC HIỆN TỐT NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	80
3.2.1. Nhận xét chung	80
3.2.2. Những kiến nghị cụ thể.....	85
3.3. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM	91
3.3.1. Tiếp tục xây dựng và củng cố đội ngũ cán bộ Tòa án, Viện kiểm sát trong sạch, vững mạnh, nghiệp vụ vững vàng, đủ điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.....	91
3.3.2. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng công tác giám đốc, kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với hoạt động của Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như kiểm sát của Viện kiểm sát và sự giám sát của cơ quan dân cử	96
3.3.3. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho hoạt động của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm.....	100
KẾT LUẬN	101
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	104

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, về cơ bản, các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án luôn luôn tuân thủ các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự (TTHS) nói chung, nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN nói riêng, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ của Bộ luật TTHS - “*góp phần bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật XHCN, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm*” (Điều 1 Bộ luật TTHS năm 2003). Thực tiễn khoa học pháp lý và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cho thấy, trong quá trình hình thành và phát triển, các nguyên tắc của Luật TTHS Việt Nam nói chung, nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN nói riêng đã từng bước được hoàn thiện, góp phần xử lý kiên quyết mọi hành vi phạm tội, nâng cao ý thức pháp luật của người dân. Tuy nhiên, cũng trong thực tiễn xây dựng và thi hành nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN cho thấy, nguyên tắc này đôi khi đã chưa được tuân thủ một cách nghiêm túc, còn để xảy ra sai sót trong các hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng; việc bắt, tạm giữ, tạm giam không đúng căn cứ, trình tự, thủ tục, vi phạm các quy định trình tự, thủ tục trong xét xử... Tất cả điều này đều gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân, gây bức xúc trong nhân dân, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nói một cách khác, đó chính là vi phạm nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam.

Xét xử các vụ án hình sự là một giai đoạn quan trọng trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự. Chỉ có Tòa án mới có quyền kết tội và quyết định hình phạt đối với một người nhưng hoạt động này phải tuân theo những quy định của Bộ luật TTHS. Vì vậy, để việc xét xử được chính xác, xác định vụ án một cách toàn diện, khách quan, đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thì việc tuân thủ chặt chẽ các quy định về xét xử đóng một vai trò rất quan trọng. Ngoài ra, việc tuân thủ này còn góp phần giáo dục công dân trong việc tuân thủ pháp luật, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung. Ở phiên tòa sơ thẩm hình sự, việc tuân thủ thủ tục phiên tòa càng có ý nghĩa quan trọng vì đây là giai đoạn xét xử đầu tiên, có ý nghĩa quyết định vì có thể vụ án sẽ không tiếp diễn ở giai đoạn phúc thẩm nữa hoặc nếu có thì cũng chỉ xem xét ở nội dung có kháng cáo, kháng nghị; v.v... Do đó, bảo đảm tuân thủ các quy định của Bộ luật TTHS nói chung, quy định tại phiên tòa sơ thẩm hình sự nói riêng chính là tuân thủ và bảo đảm pháp chế XHCN. Đặc biệt, một số nội dung liên quan đến nguyên tắc này trong Luật TTHS Việt Nam cũng cần được sửa đổi, bổ sung. Đặc biệt, việc nghiên cứu làm rõ các nội dung của nguyên tắc còn góp phần thực hiện nghiêm chỉnh khoản 1 Điều 8 Hiến

pháp Việt Nam năm 2013 đã quy định: “1. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ...”. Đặc biệt, qua đó còn góp phần thực hiện nhiệm vụ “thực hiện quyền tư pháp” để “bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” mà Hiến pháp trao cho Tòa án nhân dân với tư cách là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Do đó, để thực hiện tốt các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân Việt Nam năm 2014, đặt ra nghiên cứu vấn đề “**Nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam và việc thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)**” rõ ràng có tính thời sự cấp bách.

2. Tình hình nghiên cứu

Là một nguyên tắc Hiến định, đồng thời chiếm vị trí quan trọng ngay tại Điều 3 Bộ luật TTHS Việt Nam, tuy nhiên dưới các góc độ khác nhau cho thấy đã có những công trình tiêu biểu đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS như:

* *Dưới góc độ các công trình, sách báo pháp lý nước ngoài:* 1) Hanry B. Rothblatt, *Successfull techniques in the Trial of Criminal Cases*, Prentice-Hall, 1961; 2) James C.Cisell, *Federal Criminal Trials*, Mchie Co, 1983; 3) Anthony Berkeley, *Trial and Error*, International Center for Transitional Justice, 2006; 4) Jelena Pejic and Vanessa Lesnie, *What is a fair trial*, Lawyers Committee for Human Rights, 2000; v.v...

* *Dưới góc độ các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo trong nước:* 1) PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014; 2) GS. TSKH. Đào Trí Úc (chủ biên), *Tội phạm học, luật hình sự và luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994; 3) GS. TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002; 4) GS. TS. Đỗ Ngọc Quang, *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam*, Dành cho hệ đào tạo Sau đại học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2001; 5) TS. Hoàng Thị Sơn, TS. Bùi Kiên Điện, *Những nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2000; 6) PGS. TS. Hoàng Thị Sơn (chủ biên), *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2009; 7) TS. Trần Minh Hưởng, TS. Trịnh Tiên Việt (đồng chủ biên), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật TTHS ở Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2011; 8) TS. Lê Hữu Thế, TS. Đỗ Văn Đương, ThS. Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013; v.v...

* *Dưới góc độ các luận văn, luận án tiến sĩ luật học trong nước:* 1) Nguyễn Hữu Tuấn, *Hoàn thiện thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự trong quá trình cải cách tư pháp hiện nay*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa

Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009; 2) Nguyễn Thị Thúy Hoàn, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Luật TTHS Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011; 3) Nguyễn Đức Hùng, *Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật TTHS Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012; v.v...

* *Dưới góc độ đề tài nghiên cứu khoa học các cấp độ:* 1) Đề tài khoa học cấp Bộ “*Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm sát hình sự trong giai đoạn giám đốc thẩm*” của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, 2007; 2) TS. Nguyễn Văn Hiện (Chủ nhiệm đề tài), “*Vấn đề tổ chức phiên tòa và việc thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng tại phiên tòa của Tòa án nhân dân*”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 1999; 3) TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ nhiệm đề tài), “*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 về thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự*”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2005; v.v...

* *Dưới góc độ các bài viết trên một số tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành:* 1) GS. TSKH. Lê Văn Cẩm, *Những vấn đề lý luận cơ bản về chế định các nguyên tắc của Luật TTHS*, Tạp chí Kiểm sát, số 5, 6, 7/2004; 2) PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí, *Nguyên tắc suy đoán vô tội trong Luật TTHS Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6/2001; 3) PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chí, *Các nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS - Những đề xuất sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 2/2004; 4) PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chí, *Đảm bảo sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định trong TTHS*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 8/2008; 5) GS. TSKH. Đào Trí Úc, TS. Nguyễn Mạnh Hùng, *Bàn về các nguyên tắc của TTHS*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2/2011; 6) PGS. TS. Hoàng Thị Minh Sơn, *Tìm hiểu nguyên tắc “Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”*, Tạp chí Luật học, số 5/1996; 7) PGS.TS. Phạm Hồng Hải, *Một số biện pháp bảo đảm nguyên tắc: Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2003; 8) Nguyễn Quốc Việt, *Mấy vấn đề về nguyên tắc TTHS khi xây dựng Bộ luật TTHS sửa đổi*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cấp Bộ, Hà Nội, 1995; 9) TS. Nguyễn Đức Mai, *Nguyên tắc tranh tụng trong TTHS*, Tạp chí Luật học, số 1/1996; v.v...

Như vậy, cho đến nay, nghiên cứu về nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN mới chỉ một số bài viết hoặc nằm trong một mục nhỏ của Giáo trình Luật TTHS Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài về nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam và việc thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk rõ ràng là có tính thời sự cấp bách, góp phần sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS năm 2003 và đặc biệt là góp phần triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, có hiệu lực từ 01/01/2014. Đặc biệt, nó còn là nhiệm vụ của học viên với tư cách là Thẩm phán Tòa án nhân dân trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Mục đích của đề tài luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản liên quan đến nguyên tắc này như: khái niệm, ý nghĩa, nội dung và cơ chế bảo đảm thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam, phân tích mối quan hệ giữa nguyên tắc này với một số nguyên tắc liên quan, sự thể hiện những nội dung cơ bản của nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự theo Bộ luật TTHS nước ta. Ngoài ra, từ thực tiễn thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, luận văn chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản để từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện Bộ luật TTHS Việt Nam và các giải pháp bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc này đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, luận văn có các nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng khái niệm và phân tích các ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam;

- Làm sáng tỏ nội dung và cơ chế bảo đảm thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam; cũng như phân tích mối quan hệ giữa nguyên tắc này với một số nguyên tắc khác có liên quan trong Luật TTHS nước ta;

- Phân tích sự thể hiện những nội dung cơ bản của nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự theo Bộ luật TTHS Việt Nam;

- Đánh giá việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản;

- Đề xuất hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS Việt Nam về có liên quan đến giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự và các giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn này đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của đề tài - Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam và việc thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN dưới góc độ của Luật TTHS Việt Nam, cũng như phân tích sự thể hiện nội dung và đánh giá thực tiễn thực hiện nguyên tắc này trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013), từ đó, đề xuất hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS Việt Nam về giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự và các giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn này đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

5. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng về Nhà nước và pháp luật, về giải quyết các vụ án hình sự và việc bảo đảm pháp chế XHCN trong Hiến pháp và pháp luật.

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn... để làm sáng tỏ vấn đề cần giải quyết nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sau đây:

Về lý luận: Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên có tính hệ thống và tương đối toàn diện về nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học từ khi ban hành Bộ luật TTHS Việt Nam năm 2003 đến nay, do đó, góp phần bổ sung thêm vào kho tàng lý luận của Luật TTHS nước ta về nguyên tắc này như: khái niệm, ý nghĩa, cơ chế bảo đảm thực hiện, vị trí của nó trong tương quan với các nguyên tắc khác của Luật TTHS Việt Nam.

Về thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định và áp dụng đúng đắn, thống nhất nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong quá trình giải quyết vụ án, đề xuất hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS Việt Nam về giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự và các giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn này đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

Ngoài ra, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo trong công tác giảng dạy và nghiên cứu môn học Luật TTHS. Đặc biệt, những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được vận dụng trong công tác lập pháp sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật TTHS ở nước ta, Tòa án nói chung, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng, bảo đảm vụ án và việc xét xử sơ thẩm hình sự được giải quyết đúng đắn và có căn cứ pháp lý.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam.

Chương 2: Sự thể hiện nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự theo Bộ luật TTHS Việt Nam và thực tiễn thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Những phương hướng và các giải pháp thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1.1. Khái niệm nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

Trong những năm vừa qua, thực hiện các Nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 “Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án luôn luôn tuân thủ các nguyên tắc của Luật TTHS nói chung, nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN nói riêng trong hoạt động TTHS, bảo đảm mọi tội phạm đều được xử lý nghiêm minh, kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Khi tiến hành các hoạt động TTHS của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải được tiến hành theo quy định của pháp luật TTHS. Tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ chính là thực hiện pháp chế XHCN trong TTHS được bảo đảm. TTHS là hoạt động do pháp luật điều chỉnh nhằm chứng minh có hay không có tội phạm xảy ra trên thực tế, ai là người phạm tội và xử lý chính xác, công bằng, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội. Chính vì xuất phát từ bản chất như vậy nên hoạt động TTHS cũng phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản nhất định. Do đó, nguyên tắc của Luật TTHS Việt Nam không thể chỉ dừng lại là các phương châm, định hướng đơn thuần, mà nó được thể hiện tính chất chỉ đạo, chi phối toàn bộ hay một số hoạt động TTHS, đồng thời được điều chỉnh bằng Hiến pháp, Bộ luật TTHS và hệ thống các văn bản pháp luật TTHS. Hơn thế nữa, các nguyên tắc này còn phải thể hiện được bản chất của hoạt động TTHS là hoạt động pháp luật của các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, xác định việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Tóm lại, dưới góc độ khoa học, theo người viết khái niệm nguyên tắc đang nghiên cứu được định nghĩa như sau: *Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam là quy định cơ bản nhất, được ghi nhận trong Bộ luật TTHS, thể hiện tư tưởng chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động TTHS theo đó các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong khi thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng phải triệt để tuân theo quy định của pháp luật TTHS.*

1.1.2. Ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

Ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam được thể hiện như sau:

- Phản ánh bản chất của Nhà nước ta, là cơ sở quan trọng cho việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi tham gia TTHS, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm;
- Thể hiện tư tưởng chủ đạo đối với toàn bộ hoạt động TTHS;
- Góp phần làm cho quá trình TTHS trong thực tiễn (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án) được vận hành một cách trật tự, ổn định, thống nhất, đồng bộ và đạt hiệu quả cao;
- Duy trì trật tự pháp luật, thể hiện tính dân chủ và bảo đảm các yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

1.2. NỘI DUNG VÀ CƠ CHẾ BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.2.1. Nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

Trên cơ sở Điều 3 Bộ luật TTHS, nội dung của nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam được biểu hiện qua các điểm chính sau đây:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật TTHS, chỉ được phép áp dụng những biện pháp mà pháp luật yêu cầu và cho phép để tiến hành các hoạt động nhằm xác định và làm rõ tội phạm và người phạm tội;
- Người tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật TTHS, thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của mình để xác định và làm rõ tội phạm và người phạm tội, tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân;
- Người tham gia tố tụng cũng phải nghiêm chỉnh chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật TTHS, thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của mình theo yêu cầu của cơ quan, người tiến hành tố tụng để bảo đảm giải quyết vụ án được khách quan và đúng pháp luật;
- Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN thể hiện các cơ quan, tổ chức và mọi công dân đều phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật TTHS, bảo đảm thực hiện các yêu cầu của các cơ quan và người tiến hành tố tụng bảo đảm giải quyết vụ án hình sự.

1.2.2. Cơ chế bảo đảm của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

Pháp chế XHCN trong Luật TTHS đòi hỏi sự tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật TTHS trong hoạt động tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng. Do đó, pháp luật TTHS Việt Nam đề ra các cơ chế bảo đảm thực hiện thông qua ba cơ chế - Cơ chế Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân

theo pháp luật trong TTHS; giám đốc hoạt động xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới và cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử. Nội dung *cơ chế* này được thể hiện như sau:

- Cơ chế kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS của Viện kiểm sát;
- Cơ chế giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới;
- Cơ chế giám sát của cơ quan dân cử.

1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI MỘT SỐ NGUYÊN TẮC KHÁC TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.3.1. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân

Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN có tính chất bao trùm toàn bộ *hoạt động* TTHS và là *định hướng* để thực hiện nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân trong TTHS. Ngược lại, nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân góp phần làm cho nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN thực hiện đầy đủ.

1.3.2. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc mọi công dân bình đẳng trước pháp luật

Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN có tính chất bao trùm toàn bộ *hoạt động* TTHS và là *định hướng* để thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Ngược lại, nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật đòi hỏi khi áp dụng các biện pháp tố tụng cụ thể đối với mỗi công dân, mỗi bị can, bị cáo, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phải triệt để tuân thủ các quy định của Bộ luật TTHS, thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm của mình cũng như tuân thủ đúng về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp đó.

1.3.3. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án

Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN có tính chất bao trùm toàn bộ *hoạt động* TTHS và là *định hướng* để thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong TTHS. Trong khi đó, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự được đặt ra và yêu cầu phải được triệt để tuân thủ nhằm bảo vệ chế độ nhà nước, chế độ xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trước sự xâm hại của tội phạm, đó chính là yêu cầu bảo đảm pháp chế XHCN, bảo đảm yêu cầu thực hiện mục đích của TTHS - nhanh chóng phát hiện tội phạm, xử lý nghiêm minh, kịp thời người phạm tội.

1.3.4. Mối quan hệ giữa nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN có tính chất bao trùm toàn bộ *hoạt*

động TTHS và là *định hướng* để thực hiện nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Tuy nhiên, nếu nguyên tắc thứ nhất xuyên suốt toàn bộ thì nguyên tắc thứ hai lại bao trùm giai đoạn xét xử của Tòa án trong TTHS.

Chương 2

SỰ THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. SỰ THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án hình sự trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, trong đó hoạt động xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm nói riêng đóng vai trò rất quan trọng. Khi hồ sơ vụ án có đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội, Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng thì hồ sơ vụ án hình sự được chuyển sang Tòa án. Khi Tòa án nhận được hồ sơ vụ án cùng với bản cáo trạng, vụ án bước sang một giai đoạn *mới* - giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Giai đoạn này có nhiều thủ tục khác nhau bao gồm: Xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hình sự. Trong đó, thủ tục sơ thẩm là thủ tục bắt buộc đối với bất kỳ vụ án nào, “còn các thủ tục khác thì có thể có, có thể không, nhưng xét xử là lần đầu, do đó, là thủ tục bắt buộc, đồng thời, là một giai đoạn của tố tụng nên bắt buộc phải tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật”, bảo đảm xét xử công bằng, cũng như tuân thủ nghiêm chỉnh nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam. Bởi lẽ, xét xử là hoạt động của Tòa án nhằm đưa ra phán quyết cuối cùng mà quyết định này liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tự do, danh dự, tài sản, nhân thân, thậm chí cả tính mạng con người. Trước một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì không còn một hình thức pháp lý nào khác để công dân có thể thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vì khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm đã nhân danh Nhà nước, vì Tổ quốc, vì nhân dân. Khi xem xét tổng thể dưới khía cạnh bảo vệ các quyền cơ bản của con người, xét xử của Tòa án mà cụ thể là của Thẩm phán và Hội thẩm còn để kiểm tra hành vi pháp lý và sự tuân thủ pháp luật của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và nhất là của hai cơ quan trước đó - Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát. Do đó, các mục 2.1.1. đến mục 2.1.4. dưới đây người viết sẽ phân tích sự thể hiện nội dung nguyên tắc này trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.

2.1.1. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án các cấp

Trong mục này, luận văn phân tích nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong các quy định về thẩm quyền xét xử, cũng như việc chuyển vụ án và giải quyết tranh chấp thẩm quyền xét xử.

2.1.2. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong mục này, luận văn phân tích nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong các quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, cũng như đối với quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn.

2.1.3. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa

Trong mục này, luận văn phân tích nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong các quy định về xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục; thành phần Hội đồng xét xử; cũng như những người cần có mặt tại phiên tòa và giới hạn của việc xét xử.

2.1.4. Sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các quy định về trình tự xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại phiên tòa

Trong mục này, luận văn phân tích nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong các quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án.

2.2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Vài nét về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh trật tự của địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk ([Http://daklak.gov.vn](http://daklak.gov.vn)) nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, có diện tích 13.125,37 km², dân số toàn tỉnh tính đến năm 2012 đạt 1.796.666 người, mật độ dân số đạt hơn 137 người/km².

2.2.2. Tình hình thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Trong 05 năm qua (2009 - 2013), về cơ bản, việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được Tòa án nhân dân các cấp thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ và thống nhất trên địa bàn toàn địa phương về các nội dung như: thực hiện đúng thẩm quyền xét xử, giới hạn xét xử, thẩm quyền ra bản án, quyết định của Tòa án, trình tự, thủ tục và thời hạn tố tụng trong xét xử sơ thẩm hình sự, cũng như bảo đảm thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo và người bào chữa, quyền và nghĩa vụ tố tụng của những người tham gia tố tụng (người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền lợi của đương sự; v.v...). Qua đó, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh

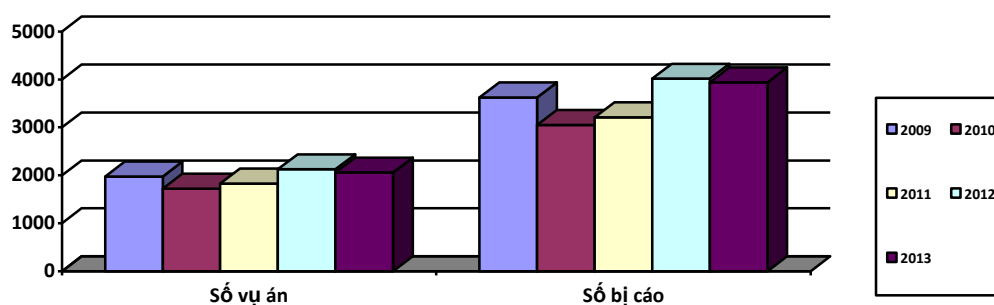
phòng, chống tội phạm và giáo dục, cải tạo người phạm tội, cũng như chất lượng xét xử được nâng lên, tạo được lòng tin trong nhân dân và uy tín của cơ quan tư pháp, đặc biệt là Tòa án trong dư luận xã hội.

Trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013), tình hình công tác thụ lý, giải quyết án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

Bảng 2.2: Tình hình công tác thụ lý, giải quyết còn lại án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

NĂM	TÌNH HÌNH CÔNG TÁC THỤ LÝ, GIẢI QUYẾT CÒN LẠI ÁN HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK						
	CẤP	THỤ LÝ		GIẢI QUYẾT		CÒN LẠI	
2009	ST	1.605	3.073	1.559	2.951	46	122
	PT	419	686	415	676	4	10
	<i>Tổng</i>	2.024	3.759	1.974	3.627	50	132
2010	ST	1.322	2395	1.299	2.346	23	49
	PT	428	730	422	706	6	24
	<i>Tổng</i>	1.750	3.125	1.721	3.052	29	73
2011	ST	1.430	2.655	1.397	2.551	33	104
	PT	439	681	430	662	9	19
	<i>Tổng</i>	1.869	3.336	1.827	3.213	42	123
2012	ST	1.667	3.272	1.639	3.200	28	72
	PT	493	826	486	817	7	9
	<i>Tổng</i>	2.160	4.098	2.125	4.017	35	81
2013	ST	1.569	3.107	1.543	3.020	26	87
	PT	524	928	517	921	7	7
	<i>Tổng</i>	2.093	4.035	2.060	3.941	33	94
TỔNG	ST	7.463	14.155	7.437	14.068		
	PT	2.277	3.789	2.270	3.782		
	Tổng	9.740	17.944	9.707	17.850	33	94

(Nguồn: Văn phòng, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk)



Biểu đồ 2.1: Tình hình công tác giải quyết án hình sự (sơ thẩm, phúc thẩm) của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

(Nguồn: Văn phòng, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

2.2.3. Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản

Như vậy, bên cạnh các kết quả đạt được, đem lại hiệu ứng tốt trong dư luận xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ hữu hiệu các quyền, tự do của con người, của công dân, thì việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự còn gặp một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Vi phạm quy định về căn cứ không vô tư trong khi làm nhiệm vụ của Kiểm sát viên (khoản 3 Điều 42 Bộ luật TTHS);
- Vi phạm quy định về xác định tư cách tham gia tố tụng của người bị hại (Điều 51 Bộ luật TTHS);
- Vi phạm quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp (Điều 170 Bộ luật TTHS);
- Vi phạm quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán (Điều 39), quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử (Điều 176) và quy định về quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án (Điều 180 Bộ luật TTHS);
- Vi phạm quy định về sự có mặt của bị cáo (Điều 187), quy định về bản án (Điều 224) và quy định về trả tự do cho bị cáo (Điều 227 Bộ luật TTHS);
- Việc tính phần án phí dân sự sơ thẩm mà các bị cáo phải chịu là không đúng;
- Vi phạm trong việc xác định tư cách người tham gia tố tụng trong bản án phúc thẩm (Điều 205 Bộ luật TTHS);
- Vi phạm quy định về việc giao bản án, thông báo cho chính quyền địa phương (Điều 229 Bộ luật TTHS).

* * *

Như vậy, trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các báo cáo tổng kết công tác ngành và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm mới của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, người viết cho rằng có các nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau đòi hỏi phải có giải pháp khắc phục kịp thời trước yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

Chương 3

NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

3.1. NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

Bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS còn có ý nghĩa quan trọng, bởi vì nó không những bảo đảm cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm được triệt để, kịp thời, nhanh chóng, mà còn đồng thời cũng bảo vệ và bảo đảm các quyền, tự do, dân chủ của công dân trong TTHS.

3.1.1. Bảo đảm tính pháp lý và tuân thủ đúng quy định về thẩm quyền, căn cứ, trình tự, thời hạn trong tất cả hành vi và văn bản tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

TTHS là một hoạt động bao gồm nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau với những trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS quy định với mục đích phát hiện, xác minh tội phạm và xử lý người phạm tội. Hoạt động này được biểu hiện ra bên ngoài bằng các hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng mà chúng (những hành vi tố tụng này) lại được ghi lại bằng các văn bản tố tụng. Do đó, một trong những bảo đảm thực hiện nguyên tắc pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự là các hành vi tố tụng và các văn bản tố tụng này phải được thực hiện đúng và đầy đủ trên cơ sở căn cứ là các quy định của pháp luật TTHS về thẩm quyền, căn cứ, trình tự, thủ tục, thời hạn tố tụng... Đây chính là tiền đề quan trọng để tuân thủ pháp chế, phòng, chống oan, sai trong TTHS. Bởi lẽ, nếu để ra oan, sai dẫn đến nhiều trạng thái tiêu cực khác nhau trong xã hội, ảnh hưởng đến nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, sự công bằng liêm chính và nhiều hậu quả tiêu cực cho xã hội và bản thân người bị oan, sai.

3.1.2. Bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Bảo đảm pháp chế XHCN không chỉ đòi hỏi những người tiến hành tố tụng mà còn đòi hỏi cả những người tham gia tố tụng cũng phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật TTHS. Vì vậy, việc bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không chỉ có ý nghĩa chính trị, pháp lý là góp phần vào việc xác định sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm quá trình tố tụng không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, bảo đảm cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật, mà còn mang ý nghĩa xã hội, nhân văn là thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được Hiến pháp ghi nhận, đặc biệt là các quy định của Hiến pháp năm 2013, cũng như thực hiện tốt nguyên tắc xét xử công bằng trong luật pháp quốc tế.

3.1.3. Phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, thực hiện tốt cơ chế thực hiện

Các cơ quan tư pháp phải thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, trong phạm vi chức năng của mình, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ “*bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ chế độ XHCN và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước,*

của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân” (Điều 126 Hiến pháp năm 2013).

3.2. HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ NHẪM THỰC HIỆN TỐT NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

3.2.1. Nhận xét chung

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, người viết xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Sửa đổi nguyên tắc “Bảo đảm pháp chế XHCN” cho phù hợp (Điều 2 Bộ luật TTHS);

- Bổ sung nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử trong Chương II - Những nguyên tắc cơ bản trên cơ sở ghép nội dung với nguyên tắc bảo đảm bình đẳng trước Tòa án (Điều 19 Bộ luật TTHS);

- Chuyển nguyên tắc “Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục” (Điều 184 Bộ luật TTHS) về Chương II - Những nguyên tắc cơ bản cho phù hợp và có hệ thống thống nhất;

- Quy định trách nhiệm, nhiệm vụ của Hội thẩm trong việc nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị xét xử (Điều 176 Bộ luật TTHS);

- Sửa đổi cho cụ thể và chính xác hơn căn cứ để Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ vụ án (Điều 180 Bộ luật TTHS);

- Sửa đổi quy định về căn cứ để Viện kiểm sát rút quyết định truy tố cho bảo đảm thống nhất giữa Bộ luật hình sự và Bộ luật TTHS (Điều 181);

- Bổ sung sự có mặt của Điều tra viên vào Bộ luật TTHS;

- Sửa đổi quy định về giới hạn xét xử cho cụ thể hơn theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật TTHS và về biên bản phiên tòa (Điều 200 Bộ luật TTHS).

3.2.2. Những kiến nghị cụ thể

Từ những nhận xét trên, theo người viết, các kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật TTHS Việt Nam về giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự để bảo đảm pháp chế XHCN với những sửa đổi dưới đây.

* Nội dung Điều 3 Bộ luật TTHS về nguyên tắc “Bảo đảm pháp chế XHCN” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 3. Bảo đảm pháp chế XHCN trong TTHS</p> <p>Mọi hoạt động TTHS của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật này.</p>	<p>Điều 3. Bảo đảm pháp chế XHCN trong TTHS</p> <p>1. Mọi hoạt động TTHS của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải tuân theo quy định của Bộ luật này.</p>

	<p>2. <i>Kết quả của hoạt động TTHS được thực hiện nhưng vi phạm quy định của Bộ luật này thì không được dùng làm chứng cứ, tài liệu chứng minh trong vụ án.</i></p> <p>3 <i>Người nào làm trái pháp luật trong hoạt động TTHS thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</i></p>
--	---

* Nội dung Điều 19 Bộ luật TTHS về nguyên tắc “*Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục*” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 19. Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục</p> <p>1. Tòa án phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách hỏi và nghe ý kiến của bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người làm chứng, người giám định, xem xét vật chứng và nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Bản án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa.</p> <p>2. Việc xét xử phải tiến hành liên tục, trừ thời gian nghỉ.</p>	<p>Điều 19. Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục</p> <p>1. Tòa án phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách <i>nghe ý kiến và hỏi</i> bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người làm chứng, người giám định, xem xét vật chứng và nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Bản án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ <i>và ý kiến</i> đã được xem xét tại phiên tòa.</p> <p>2. Việc xét xử phải tiến hành liên tục, trừ thời gian nghỉ <i>và thời gian tạm ngừng phiên tòa.</i></p>

* Nội dung Điều 20 Bộ luật TTHS về nguyên tắc “*Bảo đảm tranh tụng trong xét xử*” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 19. Bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án</p>	<p><i>Điều 20. Bảo đảm tranh tụng trong xét xử</i></p> <p><i>1. Hoạt động xét xử được tiến hành trên cơ sở tranh tụng dân chủ giữa Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị</i></p>

<p>Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ quyền lợi của đương sự đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền đó nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án.</p>	<p><i>đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ quyền lợi của đương sự.</i></p> <p>2. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ quyền lợi của đương sự đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án.</p> <p>3. <i>Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện để Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ quyền lợi của đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.</i></p> <p>4. <i>Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng dân chủ tại phiên tòa.</i></p>
---	--

* Nội dung Điều 180 Bộ luật TTHS về “*Quyết định tạm đình chỉ vụ án*” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 180. Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án</p> <p>Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi có căn cứ quy định tại Điều 160 Bộ luật này; ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 107 của Bộ luật này hoặc khi Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa.</p>	<p>Điều 180. Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án</p> <p>Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi <i>bị can, bị cáo bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y hoặc chưa xác định hay không biết rõ bị can, bị cáo đang ở đâu</i>; ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 107 của Bộ luật này hoặc khi Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết</p>

<p>Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can, bị cáo mà căn cứ để tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can, bị cáo thì có thể tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo.</p> <p>Quyết định đình chỉ vụ án phải ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 164 của Bộ luật này.</p>	<p>định truy tố trước khi mở phiên tòa.</p> <p>Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can, bị cáo mà căn cứ để tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can, bị cáo thì có thể tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo.</p> <p>Quyết định đình chỉ vụ án phải ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 164 của Bộ luật này.</p>
--	--

* Nội dung Điều 181 Bộ luật TTHS về “Viện kiểm sát rút quyết định truy tố” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 181. Viện kiểm sát rút quyết định truy tố</p> <p>Nếu xét thấy có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 của Bộ luật này hoặc có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo theo quy định tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự, thì Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án.</p>	<p>Điều 181. Viện kiểm sát rút quyết định truy tố</p> <p>Nếu xét thấy có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 của Bộ luật này hoặc có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo <i>theo quy định của Bộ luật hình sự</i>, thì Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa, đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án <i>và miễn trách nhiệm hình sự</i>.</p>

* Nội dung Điều 193a Bộ luật TTHS về “Sự có mặt của Điều tra viên” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Chưa quy định.</p>	<p><i>Điều 193a. Sự có mặt của Điều tra viên</i></p> <p><i>1. Điều tra viên phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án không rõ ràng, mâu thuẫn;</i></p> <p><i>b) Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quá trình điều tra;</i></p> <p><i>2. Nếu Điều tra viên vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời có văn bản kiến nghị Cơ quan Điều tra buộc Điều tra viên phải tham dự phiên tòa.</i></p>

* Nội dung Điều 196 Bộ luật TTHS về “Giới hạn của việc xét xử” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 196. Giới hạn của việc xét xử Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử.</p> <p>Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.</p>	<p>Điều 196. Giới hạn của việc xét xử</p> <p>1. Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử.</p> <p>2. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo <i>khoản nặng hơn hoặc khoản nhẹ hơn</i> với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. <i>Trường hợp xét xử bị cáo theo khoản nặng hơn phải tuân thủ các quy định về thẩm quyền xét xử, thành phần Hội đồng xét xử cũng như quyền bào chữa của bị cáo do Bộ luật này quy định.</i></p> <p>3. <i>Trường hợp Viện kiểm sát truy tố bị cáo về nhiều tội với nhiều hành vi phạm tội thì giới hạn của việc xét xử đối với từng tội được thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều luật này.</i></p>

* Nội dung Điều 200 Bộ luật TTHS về “Biên bản phiên tòa” như sau:

Bộ luật TTHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 200. Biên bản phiên tòa</p> <p>1. Biên bản phiên tòa phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm của phiên tòa và mọi diễn biến ở phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến khi tuyên án. Cùng với việc ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình về diễn biến phiên tòa.</p> <p>2. Những câu hỏi và những câu trả lời đều phải được ghi vào biên bản.</p> <p>3. Sau khi kết thúc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra biên bản và cùng với Thư ký Tòa án ký vào biên bản đó.</p>	<p>Điều 200. Biên bản phiên tòa</p> <p>1. Biên bản phiên tòa phải ghi rõ <i>giờ ngày</i>, tháng, năm, địa điểm của phiên tòa và mọi diễn biến ở phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến khi tuyên án. Cùng với việc ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình về diễn biến phiên tòa.</p> <p>2. Những câu hỏi và những câu trả lời đều phải được ghi vào biên bản.</p> <p>3. Sau khi kết thúc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra biên bản và cùng với Thư ký <i>phiên tòa</i> ký vào biên bản, <i>đồng thời Thư ký phiên tòa công khai đọc lại toàn bộ nội dung biên bản đó.</i></p>

<p>4. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc đại diện hợp pháp của những người đó được xem biên bản phiên tòa, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận.</p>	<p>4. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc đại diện hợp pháp của những người đó được xem biên bản phiên tòa, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận.</p>
--	--

3.3. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

3.3.1. Tiếp tục xây dựng và củng cố đội ngũ cán bộ Tòa án, Viện kiểm sát trong sạch, vững mạnh, nghiệp vụ vững vàng, đủ điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

Có thể nói chất lượng công tác tư pháp nói chung và chất lượng công tác xét xử nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ công tác tư pháp. Do đó, cần tiếp tục xây dựng và củng cố đội ngũ cán bộ Tòa án, Viện kiểm sát trong sạch, vững mạnh, nghiệp vụ vững vàng, đủ điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3.2.2. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng công tác giám đốc, kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với hoạt động của Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như kiểm sát của Viện kiểm sát và sự giám sát của cơ quan dân cử

Trong điều kiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật TTHS nói riêng còn chưa đầy đủ, thống nhất, một bộ phận đội ngũ cán bộ, thẩm phán vừa thiếu vừa yếu về năng lực, phẩm chất đạo đức, thì việc tăng cường công tác giám đốc, kiểm tra công tác xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới, đặc biệt là đối với Tòa án cấp sơ thẩm là rất cần thiết. Do đó, cần đổi mới không chỉ nội dung, nâng cao chất lượng công tác giám đốc, kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với hoạt động của Tòa án cấp sơ thẩm, mà còn cả việc kiểm sát của Viện kiểm sát và sự giám sát của cơ quan dân cử.

3.3.3. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho hoạt động của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm

Xét xử cũng như các hoạt động khác luôn luôn gắn liền với cơ sở vật chất kỹ thuật. Do vậy, song song với việc tăng cường năng lực xét xử cho Tòa án nói chung và cho Tòa án cấp huyện nói riêng sẽ không thể đạt hiệu quả tốt, nếu như Tòa án không khẩn trương đổi mới hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các Tòa án địa phương, đặc biệt là các Tòa án nhân dân cấp huyện trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: “*Nguyên tắc bảo đảm pháp chế trong Luật TTHS Việt Nam và việc thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự (trên cơ sở nghiên cứu số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*” cho phép người viết đưa ra những kết luận chung dưới đây.

1. Trong giai đoạn cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, các nghị quyết, văn kiện đại hội của Đảng lần thứ XI đều nhấn mạnh phải tăng cường, bảo đảm pháp chế XHCN nói chung và pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam nói riêng, đặc biệt là bảo đảm pháp chế trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm bởi tính chất, vị trí quan trọng của giai đoạn tố tụng này trong TTHS. Bởi lẽ, chỉ có Tòa án mới có quyền kết tội và quyết định hình phạt đối với một người nhưng hoạt động này phải tuân theo những quy định của Bộ luật TTHS. Chính vì vậy, để việc xét xử được chính xác, xác định vụ án một cách toàn diện, khách quan, đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thì việc tuân thủ chặt chẽ các quy định về xét xử đóng một vai trò rất quan trọng. Ngoài ra, việc tuân thủ này còn góp phần giáo dục công dân trong việc tuân thủ pháp luật, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung. Do đó, bảo đảm tuân thủ các quy định của Bộ luật TTHS nói chung, quy định tại phiên tòa sơ thẩm hình sự nói riêng chính là tuân thủ và bảo đảm pháp chế XHCN.

2. Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTHS Việt Nam phản ánh bản chất của Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Bên cạnh đó, nó còn thể hiện tư tưởng chủ đạo đối với toàn bộ hoạt động TTHS ở chỗ làm cho quá trình TTHS trong thực tiễn (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án) được vận hành một cách trật tự, ổn định, thống nhất, đồng bộ và đạt hiệu quả cao, cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong khi thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng phải triệt để tuân theo những quy định của pháp luật TTHS Việt Nam.

3. Quá trình tiến hành giải quyết vụ án hình sự trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, trong đó hoạt động xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm nói riêng đóng vai trò rất quan trọng. Thủ tục sơ thẩm là thủ tục bắt buộc đối với bất kỳ vụ án nào, “còn các thủ tục khác thì có thể có, có thể không, nhưng xét xử lần đầu, do đó, là thủ tục bắt buộc, đồng thời, là một giai đoạn của tố tụng nên bắt buộc phải tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật”. Do đó, luận văn đã phân tích và làm sáng tỏ đặc trưng và sự thể hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong các quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án các cấp; về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; về thủ tục tố tụng tại phiên tòa, cũng như về trình tự xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại phiên tòa.

4. Thực tiễn thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 05 năm

qua (2009 - 2013), về cơ bản, việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được Tòa án nhân dân các cấp thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ và thống nhất trên địa bàn toàn địa phương về các nội dung: thực hiện đúng thẩm quyền xét xử, giới hạn xét xử, thẩm quyền ra bản án, quyết định của Tòa án, trình tự, thủ tục và thời hạn tố tụng trong xét xử sơ thẩm hình sự, cũng như bảo đảm thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo và người bào chữa, quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng khác. Qua đó, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục, cải tạo người phạm tội, cũng như chất lượng xét xử được nâng lên, tạo được lòng tin trong nhân dân và uy tín của cơ quan tư pháp trong dư luận xã hội. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều cố gắng, tỷ lệ án hủy, cải sửa do lỗi chủ quan đã giảm mạnh nhưng trong thời gian qua vẫn còn một số ít bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán hoặc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay do có những vi phạm về thẩm quyền xét xử, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng... làm giảm hiệu quả công tác này.

5. Tóm lại, bằng việc nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những tri thức khoa học về vấn đề pháp chế XHCN, về TTTHS, phân tích các quan điểm khoa học khác nhau về pháp chế XHCN trong Luật TTTHS Việt Nam, trên cơ sở các quy định của pháp luật TTTHS hiện hành và thực trạng bảo đảm pháp chế XHCN trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, luận văn đã chỉ ra những phương hướng, nhu cầu bảo đảm pháp chế XHCN nói chung, bảo đảm pháp chế XHCN trong Luật TTTHS nói riêng và đặc biệt là trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự để từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTTHS Việt Nam về xét xử sơ thẩm hình sự nhằm thực hiện tốt nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN và đề xuất các giải pháp khác bảo đảm thực hiện nguyên tắc này trước yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.